

Bản án số: 445/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16/04/2021

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH–THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trương Văn Hải**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1) Bà **Nguyễn Thị Vạn**

2) Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh**

*Thư ký phiên tòa:* Ông **Lê Văn Cơ**\_Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Bình Chánh không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 04 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 03 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà **Mai Thị Ngọc T**, sinh năm: 1974; Địa chỉ: ấp 1, xã TK, huyện BC, Thành phố H\_có mặt.

**Bị đơn:** Ông **Trần M**, sinh năm: 1972; Địa chỉ: ấp 1, xã TK, huyện BC, Thành phố H\_vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện về việc: “Ly hôn” nguyên đơn là bà Mai Thị Ngọc T trình bày giữa bà và ông Trần M sau khi quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn vào năm 2000 (theo giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số: 01 do Ủy ban nhân dân xã Hiệp Thuận, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 21/02/2000). Giữa bà và ông Trần M chung sống với nhau có 02 (hai) con chung là Trần Lê Ngọc, sinh ngày: 22/10/2002 và Trần Lê Châu, sinh ngày: 05/03/2006.

Đầu năm 2019, do hai bên chung sống không hạnh phúc, thường xảy ra xung đột bất đồng, gây gổ cãi vã nhau nên cả hai đã sống ly thân.

Tại Tòa hôm nay, bà Mai Thị Ngọc T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần M; Về con chung: có 02 (hai) con chung là Trần Lê Ngọc, sinh ngày: 22/10/2002 và Trần Lê Châu, sinh ngày: 05/03/2006. Hiện tại cháu Trần Lê Ngọc đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa giải quyết, bà chỉ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Lê Châu và không yêu cầu ông Minh cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét; Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về phía ông Trần M, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã nhiều lần triệu tập ông đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Trần M vắng mặt không rõ lý do và không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tổng đạt giấy báo hợp lệ, do đó Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật. Do ông Trần M vắng mặt tại phiên tòa (mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ), nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần M là phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### **1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Xét yêu cầu khởi kiện của đương sự, cùng các tài liệu có trong hồ sơ, đơn xin ly hôn của bà Mai Thị Ngọc T đối với ông Trần M, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để xác định đây là vụ kiện Hôn nhân gia đình về

việc “Tranh chấp ly hôn”, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; ông Trần M có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các biên bản tổng đạt của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh triệu tập ông Trần M có mặt tại trụ sở Tòa án để tiến hành các bước tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông Trần M vắng mặt không rõ lý do. Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tổng đạt giấy triệu tập ông Trần M đến trụ sở Tòa án để tham dự hoà giải, dự phiên toà cũng như Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập để trình bày ý kiến, giấy triệu tập hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai và giấy triệu tập tham dự phiên tòa sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh yêu cầu ông Trần M phải có mặt tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh để nghe xét xử sơ thẩm vụ án nhưng ông Trần M vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Cho nên Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm công khai là phù hợp quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

## **2. Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:**

Về quan hệ hôn nhân: năm 2000, bà Mai Thị Ngọc T và ông Trần M sau khi quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng và hai bên có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (đăng ký kết hôn vào năm 2000 theo giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số: 01 do Ủy ban nhân dân xã Hiệp Thuận, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 21/02/2000). Việc bà Mai Thị Ngọc T và ông Trần M tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng là có thật và hai bên có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống giữa bà Mai Thị Ngọc T và ông Trần M có nhiều mâu thuẫn. Năm 2019, do hai bên chung sống không hạnh phúc, thường xảy ra xung đột bất đồng, gây gổ cãi vã nhau nên cả hai đã sống ly thân; bà Mai Thị Ngọc T đã nộp đơn ly hôn đối với ông Trần M tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh vì bà khẳng định rằng giữa hai người đã không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về:

“Tình nghĩa vợ chồng”; Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình có quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn...”. Nay tại tòa bà Mai Thị Ngọc T yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn đối với ông Trần M. Đối chiếu các quy định trên của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của bà là có cơ sở nên chấp nhận yêu cầu của bà Mai Thị Ngọc T xin được ly hôn đối với ông Trần M.

Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau, giữa bà Mai Thị Ngọc T và ông Trần M có 02 (hai) con chung là Trần Lệ Ngọc, sinh ngày: 22/10/2002 và Trần Lê Châu, sinh ngày: 05/03/2006. Hiện tại cháu Trần Lệ Ngọc đã trưởng thành nên Tòa không đặt ra để giải quyết, riêng cháu Trần Lê Châu, sinh ngày: 05/03/2006 tại tòa hôm nay, bà Tịnh xin nuôi, bà không yêu cầu ông Trần M cấp dưỡng nuôi con. Đối với việc giao cháu Châu cho ai trực tiếp nuôi dưỡng thì Hội đồng xét xử xét thấy như sau: Hiện cháu Châu đang do bà Mai Thị Ngọc T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, lo lắng cho cháu. Bà Mai Thị Ngọc T và cháu đang sống chung với nhau nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu cho bà Mai Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật; ghi nhận việc bà Mai Thị Ngọc T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình thì ông Trần M có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc hai cháu, không ai được quyền cản trở ông Trần M thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: bà Tịnh khai không có, nên Tòa không đặt ra để giải quyết; Về nợ chung, các nghĩa vụ dân sự khác: bà Tịnh tự khai không có nên Tòa không xét đến.

Về phía ông Trần M, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào biên bản tổng đạt thông báo, các biên bản tổng đạt giấy triệu tập hòa giải, cho thấy Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông Trần M theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Trần M không có ý kiến và cũng không đến Tòa để hòa giải, chứng tỏ ông Trần M không có thiện chí và không có ý thức tôn trọng pháp luật, do vậy nghĩ nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của phía nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do bà Tịnh chịu.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 63, Điều 146, Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017; Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

### **Tuyên xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Mai Thị Ngọc T đối với ông Trần M.

Xử cho bà Mai Thị Ngọc T được ly hôn với ông Trần M. Giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số: 01 do Ủy ban nhân dân xã Hiệp Thuận, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 21/02/2000 không còn giá trị pháp lý.

2/ Về con chung: Bà Mai Thị Ngọc T và ông Trần M có 02 (hai) con chung là Trần Lệ Ngọc, sinh ngày: 22/10/2002 và Trần Lệ Châu, sinh ngày: 05/03/2006. Cháu Trần Lệ Ngọc, sinh ngày: 22/10/2002 đã trưởng thành nên Tòa không xét đến.

Riêng cháu Trần Lệ Châu, sinh ngày: 05/03/2006 giao cho bà Mai Thị Ngọc T được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Mai Thị Ngọc T không yêu cầu ông Trần M thực hiện việc đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu sau này có yêu cầu Tòa sẽ giải quyết sau.

Ông Trần M có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con. Người không nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3/ Về tài sản chung: Do bà Mai Thị Ngọc T khai không có nên Tòa không đặt ra để giải quyết.

Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Do bà Mai Thị Ngọc T tự khai không có nên Tòa không xét đến.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm là: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do bà Mai Thị Ngọc T chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Mai Thị Ngọc T đã nộp là: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0078595 ngày 17/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Mai Thị Ngọc T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích cho đương sự (người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự) biết về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự).

**-Nơi nhận:**

- TANDTP.HCM.
- VKSNDTP.HCM.
- VKSNDH.Bình Chánh.
- Chi cục Thi hành án DS H.Bình Chánh.
- UBND xã Hiệp Thuận, H. Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.
- Các đương sự.
- Lưu VP, HS

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trương Văn Hải**